

- Tại chỗ có thể bị : ban do khô, bóng rát nhẹ quanh miệng và cổ.
  - Trong các tuần dùng thuốc có thể nổi mụn trứng cá, mụn mủ nhó, có đốm trắng ở đầu.
  - Ngừng dùng thuốc từ từ.
  - Không bôi lên vết thương
- 

## Vitamin B1

**Tên khác :** Acurinum hydrochloricum

Thiamin hydrochloride

Aneurinum

Với các dẫn xuất disulfid :

Aneurin disulfid

Bisthiamin

Dẫn xuất bromhydrat

Dẫn xuất disulfid hydrochloride

Dẫn xuất iodid

Dẫn xuất nitrat

Dẫn xuất phosphat

**Dạng thuốc :** Viên nén 5-10-50-100mg - Ông tiêm 25 và 100mg.

**Tác dụng :** Tham gia vào chuyển hóa glucid và quá trình dẫn truyền thần kinh. Có trong gạo, gan, men rượu bia, thịt lợn và được tổng hợp bởi vi khuẩn ở ruột, nhưng không chắc chắn được hấp thu từ chỗ nào. Đã tổng hợp được vitamin B<sub>1</sub>.

**Chỉ định :** Bệnh tè phì (beri beri) do thiếu vitamin B1 - viêm nhiều dây thần kinh - Đau thấp khớp, v.v..

**Liều dùng :** Phòng bệnh : 10mg/ngày. Trị bệnh : Người lớn uống 40-60mg, hoặc tiêm bắp 25-100mg/ngày. Liều cao để giảm đau 100-500mg/24 giờ.

**Chống chỉ định :** Mẫn cảm với vitamin B1- tiêm tĩnh mạch (với người dị ứng).

---

## Vitamin B2

**Tên khác :** Riboflavin

Lactoflavin

Vitamin G

Vitaflavine

Có các dẫn xuất : muối Natri phosphat, tetrabutylrat.

**Dạng thuốc :** Viên nén 1-2,5-10-20-40mg. Ông tiêm 1ml có 5 và 10mg.

**Tác dụng :** Giúp vai trò quan trọng trong việc điều hòa chức năng của thị giác. Thiếu vitamin B2 cơ thể sẽ bị các tổn thương ở da, niêm mạc và cơ quan thị giác, đồng thời có rối loạn đường tiêu hóa.

Có trong gan, thận, trứng, men rượu, sữa, rau xanh. Nó cũng được tổng hợp bởi vi khuẩn ở

ruột nhưng không chắc chắn được hấp thu từ chỗ nào.

**Chỉ định :** Dùng chữa bệnh thiếu vitamin B2, quáng gà, viêm kết mạc, viêm móng mắt, viêm loét giác mạc, đặc nhân mắt, chảy máu võng mạc, các vết thương loét lâu lành, eczema ở trẻ em, loét lưỡi, loét niêm mạc mõm, rối loạn chức năng ở ruột, viêm, ruột kết mạn tính, suy gan, bệnh viêm gan cấp, cơ thể suy nhược, thiếu máu, trẻ em chậm lớn, ăn không tiêu. Nhu cầu hàng ngày của trẻ em và người lớn là 2mg.

**Liều dùng :** Mỗi ngày uống 5-10mg, dùng 10-15 ngày. Trường hợp nặng, dùng 10mg mỗi lần, ngày 3-5 lần (trong 3-45 ngày). Còn dùng dưới dạng thuốc tiêm đóng ống 5mg hoặc 10mg trong dung dịch nước, tiêm sâu vào bắp thịt, người lớn 5-10mg mỗi ngày, trẻ em dưới 30 tháng 0,5-2mg, từ 30 tháng đến 15 tuổi 2-10mg một ngày.

**Bảo quản :** Tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 20°C.

---

## Vitamin B3

**Tên khác :** Acid nicotinic

Acid pyridin-3-carboxylic

Niacin

**Dạng thuốc :** Viên nén 5-50-150 và 500mg, ống tiêm 1ml, 0,17% Natri nicotinat, tương ứng với 0,1% acid nicotinic.

**Tác dụng :** Làm giãn nở các động mạch nhỏ, mao mạch, giảm cholesterol huyết. Đã được tổng hợp và thấy có trong gạo, men rượu bia, gan, thịt nạc, có ít trong khoai tây và rau.

**Chỉ định :** Rối loạn chức năng tuần hoàn của người tăng huyết áp, Raynaud, một số thể bệnh tăng lipid-huyết. - Bệnh pelagre.

**Liều dùng :** Ngày uống từ 10-200mg, chia làm 2-3 lần, vào bữa ăn. Tiêm dưới da, bắp thịt hoặc tĩnh mạch từ 1-4 ống/ngày.

**Lưu ý :** Xem Nicotinic acid

---

## Vitamin B4

**Tên khác :** Amino-6-purin

Adenin

**Dạng thuốc :** Viên nén 30mg, ống tiêm gồm 2 ống :

Ông A 3ml có 37,5mg adenin HCl

Ông B 2ml có 131mg Na diprophosphate và 22,5mg Na monophosphate khan

**Tác dụng :** Yếu tố điều hòa bạch cầu và chống giảm bạch cầu. Yếu tố tạo thành các enzym và nucleic acid